

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/02/2020, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đan T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số nhà 195, đường Q, Tổ 1, Khu phố 3, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình D, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số nhà 195, đường Q, Tổ 1, Khu phố 3, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Đan T và anh Nguyễn Đình D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đan T và anh Nguyễn Đình D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Đan T và anh Nguyễn Đình D có 02 con chung tên là: Nguyễn D Anh K, sinh ngày 02/9/2008 và Nguyễn D Gia B, sinh ngày 21/02/2011. Giao 02 cháu Nguyễn D Anh K và Nguyễn D Gia B cho chị Nguyễn Thị Đan T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Đình D cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.500.000 đ (một triệu năm trăm ngàn đồng) (02 con chung mỗi tháng là

3.000.000 đ (ba triệu đồng)). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Nguyễn Đình D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Đương sự thống nhất không yêu cầu tính lãi suất trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng trong giai đoạn thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đan T và anh Nguyễn Đình D mỗi người phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí ly hôn; anh Nguyễn Đình D phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị T tự nguyện chịu tiền án phí cho anh D. Tổng số tiền chị T phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002369 ngày 11/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- VKSND huyện Vĩnh Cửu (02);
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu (01);
- UBND thị trấn V,
tỉnh Đồng Nai (01);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (03).

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Đại